

Số: 36/2024/QĐST-HNGĐ

Đ L, ngày 13 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 713/2024/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Ông **Võ Đăng K**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 36/13, đường Tăng B H, Phường 11, Quận Bình Th, thành phố Hồ Chí M.

- *Người yêu cầu*: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số 9B, đường La Sơn Phu T, Phường 6, thành phố Đ L, tỉnh L Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M chung sống với nhau từ năm 2019 và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tình cảm, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn ông K và bà M sống tại số 32/33, đường Trần Thái Tông, Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng nhau. Cả hai đã cố gắng hoà giải nhiều lần nhưng không thành, xung đột ngày càng nghiêm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông K và bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên thống nhất thỏa thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông K và bà M. Xét thấy, yêu cầu của ông K và bà M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều

cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M .

[2] Về con chung: Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Võ Minh Quang, sinh ngày 02/9/2020 và Võ Minh Phúc, sinh ngày 03/4/2023. Ly hôn ông K và bà M thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Võ Minh Q và Võ Minh P cho ông K có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai thống nhất thỏa thuận bà M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000đ/tháng/02 con (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 đến khi con thành niên. Xét thấy, sự thỏa thuận của ông K và bà M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông K và bà M .

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là Võ Minh Q, sinh ngày 02/9/2020 và Võ Minh P, sinh ngày 03/4/2023 cho ông K có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai thống nhất thỏa thuận bà M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000đ/tháng/02 con (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024 đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Đăng K và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông K và bà M đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001316 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông K và bà M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND Phường 6, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thị Minh Hoà